TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

12 01. 2011

Mã nhận dạng 01189

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 03 (213803) CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08128007	NGUYỄN LÊ SƠN	BÌNH	DH08AVQ			6,7	6	7
2	08128010	NGUYỄN THỊ	CÚC	DH08AVQ			8,3	8	3
3	08128011	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	DH08AVQ			7,7	7	7
4	08128031	LÝ THÀNH	HUY	DH08AVQ			5,0	5	0
5	08128040	NGUYỄN THỊ	LIÊN	DH08AVQ			7,0	7	0
6	08128077	PHẠM THANH	SƠN	DH08AVQ			5,6	5	6
7	08128081	NGUYỄN THỊ	THANH	DH08AVQ			8,0	8	0
8	08128083	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH08AVQ			8,0	8	0
9	08128084	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	DH08AVQ			6,8	6	8
10	08128085	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH08AVQ			7,5	7	5
11	08128086	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH08AVQ			8,2	8	2
12	08128087	PHẠM THANH	THẢO	DH08AVQ			8,4	8	4
13	08128088	BÙI TRÍ	THẠNH	DH08AVQ			8,2	8	2
14	08128089	NGÔ THỊ	THÊU	DH08AVQ			7,8	7	8
15	08128090	LÊ QUỐC	THỊNH	DH08AVQ			8,0	8	0
16	08128091	VÕ THỊ KIM	THOA	DH08AVQ			6,0	6	0
17	08128092	PHẠM NGỌC	THUY	DH08AVQ			7,9	7	9
18	08128093	CHÂU BÍCH	THÙY	DH08AVQ			6,8	6	8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01189

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 03 CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08128098	NGUYỄN THỤY MINH	THƯ	DH08AVQ			8,8	8	8
20	08128099	TRẦN THỊ MINH	THƯ	DH08AVQ			7,5	7	5
21	08128101	MAI THANH	TIỀN	DH08AVG			7,2	7	2
22	08128103	NGÔ THỊ HUYỀN	TRANG	DH08AVQ			7,2	7	2
23	08128105	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	DH08AVQ			8,1	8	1
24	08128106	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH08AVQ			6,8	6	8
25	08128107	LÂM THỊ TUYẾT	TRINH	DH08AVG			7,4	7	4
26	08128108	MAI NHẬT ĐĂNG	TRÌNH	DH08AVG			8,8	8	8
27	08128109	PHẠM PHƯƠNG	TRÌNH	DH08AVQ			7,0	7	0
28	08128110	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC	DH08AVG			7,5	7	5
29	08128111	TRẦN THANH	TRÚC	DH08AVG			8,7	8	7
30	08128112	NGÔ THỊ THANH	TUYỀN	DH08AVQ			7,4	7	4
31	08128113	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	DH08AVG			8,4	8	4
32	08128116	HOÀNG NGỌC	YẾN	DH08AVG			7,9	7	9
33	08128096	TRƯƠNG DIỄM	THÚY	DH08AVQ			7,9	7	9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

NT Thu Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

12 . 01 . 2011

Mã nhận dạng 02101

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 02 (213803) CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08128003	TRỊNH LÊ VÂN	ANH	DH08AVG			8,0	8	0
2	08128039	HỒ THỊ KIM	LIÊN	DH08AVQ			6,4	6	4
3	08128041	HỒ MỸ	LINH	DH08AVQ			8,4	8	4
4	08128042	LÊ NGỌC	LINH	DH08AVQ			8,5	8	5
5	08128043	NGUYỄN VĨNH	LINH	DH08AVQ			8,7	8	7
6	08128044	TRẦN THỊ HOÀI	LINH	DH08AVQ			7,6	7	6
7	08128047	LÊ THỊ KHÁNH	LY	DH08AVQ			6,3	6	3
8	08128048	NGUYỄN THỊ THU	MINH	DH08AVQ			8,5	8	5
9	08128051	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	DH08AVQ			6,1	6	1
10	08128054	TRẦN THỊ THU	NGÂN	DH08AVQ			7,6	7	6
11	08128055	NGUYỄN NGỌC	NGOAN	DH08AVQ			7,8	7	8
12	08128056	DƯƠNG THỊ KIM	NGỌC	DH08AVG			6,5	6	5
13	08128057	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	DH08AVQ			9,5	9	5
14	08128058	HOÀNG TRỌNG	NHÂN	DH08AVG			6,5	6	5
15	08128059	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	DH08AVQ			5,6	5	6
16	08128061	HUỲNH TRẦN MAI	PHƯƠNG	DH08AVG			7,5	7	5
17	08128062	LƯU KIM	PHƯƠNG	DH08AVQ			8,6	8	6
18	08128063	LÝ ÁI	PHƯƠNG	DH08AVG			7,2	7	2

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2: Lê Thị Ngân Vang

Duyệt của Trưởng Bộ môn: TS. Nguyễn Thị Châu Giang

Cán bộ chấm thi 1&2: Nguyễn Thị Ái Thư

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02101

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 02 CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08128064	LÝ THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH08AVQ			4,8	4	8
20	08128065	NGUYỄN THỊ BÌNH	PHƯƠNG	DH08AVQ			7,2	7	2
21	08128067	LÊ THỊ HỒNG	PHƯỚC	DH08AVQ			7,6	7	6
22	08128068	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯỢNG	DH08AVQ			8,7	8	7
23	08128070	LÊ DUY	QUANG	DH08AVQ			7,5	7	5
24	08128071	LÊ HUỲNH DUY	QUANG	DH08AVG			7,6	7	6
25	08128073	NGUYỄN LÊ NGỌC	QUYÊN	DH08AVG			6,9	6	9
26	08128074	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	DH08AVQ			8,0	8	0
27	08128075	TRƯƠNG THỊ DIỆU	QUỲNH	DH08AVG			8,7	8	7
28	08128076	TRẦN HỒ QUỐC	SĨ	DH08AVQ			6,0	6	0
29	08128118	NGUYỄN NGỌC KIM	LONG	DH08AVG			5,0	5	0
30	08128013	LÊ THỊ THU	DIỄM	DH08AVQ			8,1	8	1

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Lê Thị Ngân Vang

Duyệt của Trưởng Bộ môn — TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Cán bộ chấm thi 1&2 — Nguyễn Thị Anh Thư

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

12 . 01 . 2011

Mã nhận dạng 01188

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 01 (213803) CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	07128089	NGÔ THỊ QUỲNH	TRANG	DH08AVG			9,5	9	5
2	08128001	NGUYỄN THỊ THỤC	ANH	DH08AVG			5,1	5	1
3	08128002	PHẠM NGỌC	ANH	DH08AVG			8,6	8	6
4	08128004	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	ANH	DH08AVG			5,5	5	5
5	08128005	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	DH08AVG			5,3	5	3
6	08128006	HỒ THỊ	BÌNH	DH08AVG			7,5	7	5
7	08128008	LÊ THỊ HỒNG	CHI	DH08AVG			6,7	6	7
8	08128009	HOÀNG ĐÌNH	CHUNG	DH08AVG			8,8	8	8
9	08128012	PHẠM VĂN	CƯỜNG	DH08AVG			4,7	4	7
10	08128014	TRƯƠNG THỊ THÙY	DUNG	DH08AVG			8,2	8	2
11	08128015	BẠCH THỊ NGỌC	DUYÊN	DH08AVG			4,6	4	6
12	08128016	VĂN NGỌC	DUYÊN	DH08AVG			5,6	5	6
13	08128018	NGUYỄN THỊ BÍCH	ĐÀO	DH08AVG			5,5	5	5
14	08128020	ĐINH THỊ THÚY	HẰNG	DH08AVG			8,7	8	7
15	08128022	NGUYỄN PHÚC	HẬU	DH08AVG			6,7	6	7
16	08128024	PHẠM NGUYỄN MINH	HIẾU	DH08AVG			7,5	7	5
17	08128026	LÊ ĐỖ NGỌC	HOÁN	DH08AVG			8,6	8	6
18	08128028	BÙI THỊ KIM	HUỆ	DH08AVG			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Kim Thu

NT Thu Hồng

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01188

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Tiếng Pháp 3 - 01 CBGD: Huỳnh Thanh Nhã (T122)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08128029	MAI NGỌC	HUỆ	DH08AVQ			9,5	9	5
20	08128032	HUỲNH THỊ THANH	HUYỀN	DH08AVQ			8,7	8	7
21	08128033	VŨ THỊ THU	HUYỀN	DH08AVQ			5,9	5	9
22	08128034	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08AVQ			7,2	7	2
23	08128035	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH08AVQ			7,65	7	65
24	08128036	LẠI NGỌC	KHA	DH08AVQ			8,8	8	8
25	08128037	HUỲNH THỊ	KIM	DH08AVQ			4,0	4	0
26	08128038	PHẠM THỊ LOAN	KIM	DH08AVQ			7,6	7	6
27	08128050	LÊ THỊ	MUÔN	DH08AVQ			7,0	7	0
28	08128053	PHAN THỊ KIM	NGÂN	DH08AVQ			6,5	6	5
29	08128060	HỒ THỊ	OANH	DH08AVQ			4,6	4	6
30	08128094	NGUYỄN THỊ THU	THÙY	DH08AVQ			7,8	7	8
31	08128095	HUỲNH THỊ THU	THỦY	DH08AVQ			9,0	9	0
32	08128100	MAI TRÍ	THỨC	DH08AVQ			6,6	6	6
33	08128104	NGUYỄN ĐÀI	TRANG	DH08AVQ			8,0	8	0
34	08128027	PHẠM NGỌC	HOÀNG	DH08AVQ			6,2	6	2
35	08128023	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH08AVQ			5,0	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Anh Thư

NT Tiên Hằng

Ngày 29 tháng 11 năm 2010